**CÂU NGHI VẤN (tiếp)**

|  |
| --- |
| ***III. Những chức năng chính khác.***  ***1/ Ví dụ sgk/21.***  a. Những người……bây giờ? -> Bộc lộ cảm xúc, tình cảm  b. Mày đấy à ? Đe dọa  c. Có biết không ?....? ….à ?  -> Đe dọa  d. Cả đoạn trích -> Khẳng định  e. Con gái…ấy! -> Sự ngạc nhiên.  2.Ghi nhớ ( SGK )  ***II. Luyên tập.***  ***Bài tập 1.***  a. Con người ….ăn ư?  ->Bộc lộ cảm xúc, thái độ ngạc nhiên.  b. Trừ câu “Than ôi!”. Còn lại tất cả là câu nghi vấn.  -> Phủ định  c. Sao ta …rơi?  -> Cầu khiến.  ***Bài tập 2.*** *Bảng phụ*  ***Bài tập 3.***  a. Bạn có thể kể cho mình nghe nội dung của bộ phim “Mùa quýt chín” được không ?  b. Sao lại có người cô độc ác như thế nhĩ ?  ( Trong lòng mẹ )  ***Bài tập 4.***  - Dùng để chào  - Người nghe, người nói có quan hệ thân mật |

**THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP ( CÁCH LÀM )**

|  |
| --- |
| ***I. Giới thiệu một phương pháp (cách làm).***  1. Ví dụ:  a. Chính -> phụ  Đơn giản -> phức tạp  b. Thứ tự trước -> sau  \* Ghi nhớ (sgk /26).  ***II. Luyện tập.***  **Bài tập1.**  Thuyết minh một trò chơi: Chơi ô ăn quan  Dàn ý  a. Mở bài: Là một trò chơi dân gian, phổ biến đối với trẻ em  Thân bài: Số người chơi: 2 người trở lên  - Dụng cụ chơi: Các viên sỏi  - Cách chơi: Thế nào thì thắng, thế nào thì thua, thế nào là phạm luật…  c. Kết bài:  **Bài tập 2.**  Phương pháp nhanh  - Đọc thầm  - Đọc thu nhận ý ( Câu, từ, chủ đề )  - Nhìn bao trùm đoạn, trang sách  - Đọc theo đường dọc |

|  |
| --- |
| **TỨC CẢNH PÁC BÓ (Hồ Chí Minh)**  ***I. Vài nét về tác giả - tác phẩm.***  ***1/ Tác giả:***  ***2/ Tác phẩm***: 2/ 1941 Bác Hồ trở về trực tiếp lãnh đạo CM trong nước.  ***II.Đọc - tìm hiểu chú thích.***  1. Đọc  2. Tìm hiểu chú thích  ***III. Đọc-hiểu văn bản.***  ***1/ Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác ở Pác - Bó.***  Sáng ra bờ suối tối vào hang.  -> Phép đối.  -> Sinh hoạt làm việc đều đặn bên trong suối  - Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng ->Ăn uống kham khổ vẫn thư thái say mê cuộc sống cách mạng.  ***2/ Cảm nghĩ của Bác.***  - “Cuộc đời CM thật là sang”.  -> Lạc quan tin tưởng vào sự nghiệp CM . Hạnh phúc lấy lý tưởng cứu nước làm lẽ sống,  ***III. Tổng kết.***  ***Ghi nhớ : SGK*** |

|  |
| --- |
| CÂU CẦU KHIẾNI. §Æc ®iÓm h×nh thøc vµ chøc n¨ng ***1. VÝ dô.*** (sgk)  ***2. NhËn xÐt***  C©u cÇu khiÕn lµ:  a, - Th«i ®õng lo l¾ng. (Khuyªn b¶o)  - Cø vÒ ®i. (Yªu cÇu)  b, §i th«i con. (Yªu cÇu)  ***\* H×nh thøc:***  - Cã tõ cÇu khiÕn: ®õng, ®i, th«i  - KÕt thóc b»ng dÊu chÊm than hoÆc dÊu chÊm.  ***\* Chøc n¨ng:*** Dïng ®Ó ra lÖnh, yªu cÇu, ®Ò nghÞ, khuyªn b¶o ...  ***c, NhËn xÐt c©u “Më cöa”:***  C©u 1: dïng ®Ó tr¶ lêi c©u hái - C©u trÇn thuËt: Th«ng tin sù kiÖn  C©u 2: dïng ®Ó ®Ò nghÞ, ra lÖnh - C©u cÇu khiÕn  ***\* Chó ý:***  Dïng dÊu (.) trong tr­­êng hîp ý cÇu khiÕn kh«ng ®­­îc nhÊn m¹nh.  ***3. Ghi nhí*** (sgk - 31) II. LuyÖn tËp (HS TỰ LÀM) ***Bµi 1.*** NhËn diÖn.  \* §Æc ®iÓm h×nh thøc: cã tõ cÇu khiÕn.  a, H·y (v¾ng CN: Con - chØ Lang Liªu)  b, ®i (CN: «ng gi¸o - ng«i thø 2 sè Ýt)  c, ®õng (CN: chóng ta - ng«i thø nhÊt sè nhiÒu)  \* NÕu thay ®æi CN th×:  - C©u a: Thªm CN -> ko thay ®æi ý nghÜa lµm cho ®èi t­îng tiÕp nhËn ®­îc thÓ hiÖn râ h¬n vµ yªu cÇu nhÑ nhµng, t×nh c¶m h¬n.  - C©u b: Bá CN -> ý nghÜa kh«ng thay ®æi, nh­ng yªu cÇu mang tÝnh chÊt ra lÖnh, kÐm lÞch sù h¬n.  - C©u c: Thay CN (C¸c anh) -> ý nghÜa c¬ b¶n cña c©u thay ®æi (Ko cã ng­êi nãi)  ***Bµi 2.***\* C©u cÇu khiÕn:  a, Th«i ... Êy ®i.  -> Cã tõ cÇu khiÕn, v¾ng CN.  b, C¸c em ®õng khãc.  -> Cã tõ cÇu khiÕn, CN ng«i thø 2 sè nhiÒu.  c, §­­a tay cho t«i mau! CÇm lÊy tay t«i nµy!  -> V¾ng CN - kh«ng cã tõ cÇu khiÕn, chØ cã ng÷ ®iÖu cÇu khiÕn, dÊu (!)  ***Bµi 3.***- Gièng: §Òu lµ c©u cÇu khiÕn cã tõ ng÷ cÇu khiÕn “h·y”  - Kh¸c:  + C©u a: V¾ng CN, cã tõ cÇu khiÕn vµ ng÷ ®iÖu cÇu khiÕn -> mang tÝnh chÊt ra lÖnh.  + C©u b: Cã CN “ThÇy em” (ng«i thø 2 - sè Ýt), ý nghÜa cÇu khiÕn nhÑ h¬n (khÝch lÖ ®éng viªn), thÓ hiÖn râ t×nh c¶m cña ng­êi nãi víi ng­êi nghe.  ***Bµi 4.***- Cã môc ®Ých cÇu khiÕn  - DÕ Cho¾t tù coi m×nh lµ vai d­­íi, nã yÕu ®uèi, nhót nh¸t nªn dïng c©u nghi vÊn th× ý cÇu khiÕn nhÑ h¬n, mang tÝnh chÊt th¨m dß, phï hîp víi tÝnh c¸ch cña nã.  ***Bµi 5.***- Kh«ng thÓ thay thÕ cho nhau:  + §i ®i con! -> Yªu cÇu ng­êi con thùc hiÖn hµnh ®éng “®i”.  + §i th«i con. -> Yªu cÇu c¶ con vµ mÑ thùc hiÖn hµnh ®éng “®i”. |

**THUYẾT MINH MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**

|  |
| --- |
| ***I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh.***  - Phải thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi người khác  - Nên có đủ 3 phần  - Phải có kiến thức đáng tin cậy, phương pháp thích hợp  - Kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Lời văn chính xác, biểu cảm  ***II. Luyện tập.***  ***Bài tâp 3:***  \* Mở bài: Hồ Hoàn Kiếm và  Đền Ngọc Sơn là một trong những đặc trưng của Hà Nội  \* Thân bài:  + Vị trí địa lí  + Tên gọi, hình dáng  + Quang cảnh quanh hồ  - Đền Ngọc Sơn : Bao nhiêu bộ phận ( cấu tạo )  \* Kết bài: Ý nghĩa của chúng trong đời sống con người. |

**CÂU CẢM THÁN**

|  |
| --- |
| **I. §Æc ®iÓm h×nh thøc vµ chøc n¨ng**  ***1. VÝ dô*** (sgk - 43)  ***2. NhËn xÐt.***  \* C¸c c©u c¶m th¸n:  a. Hìi ¬i l·o H¹c! → c¶m xóc xãt xa  b. Than «i! → c¶m xóc tiÕc nuèi.  \* §Æc ®iÓm h×nh thøc:  - Cã chøa c¸c tõ ng÷ c¶m th¸n.  - Khi viÕt ®­îc kÕt thóc b»ng dÊu (!)  - Khi ®äc giäng diÔn c¶m.  \* Chøc n¨ng: Dïng ®Ó béc lé trùc tiÕp c¶m xóc cña ng­êi nãi, ng­êi viÕt.  ***\* Chó ý*** Khi viÕt ®¬n, biªn b¶n ... (VBHC) hay VBKH kh«ng sö dông nh÷ng yÕu tè ng«n ng÷ béc lé c¶m xóc.  ***3. Ghi nhí*** (sgk - 44)  **II. LuyÖn tËp**  ***Bµi 1.*** X¸c ®Þnh c©u c¶m th¸n.  - Kh«ng ph¶i. V× 1 sè c©u ko cã chøa tõ ng÷ c¶m th¸n.  - C©u c¶m th¸n lµ:  a, Than «i! Lo thay! Nguy thay!  b, Hìi c¶nh rõng ghª gím cña ta ¬i!  c, Chao «i, cã biÕt ®©u r»ng ... th«i.  ***Bµi 2.***- C¸c c©u ®Òu béc lé t×nh c¶m, c¶m xóc.  a. Lêi than thë cña ng­­êi n«ng d©n d­­íi chÕ ®é phong kiÕn.  b. Lêi than thë cña ng­­êi chinh phô tr­­íc nçi tru©n chuyªn do chiÕn tranh g©y ra.  c. T©m tr¹ng bÕ t¾c cña nhµ th¬ tr­­íc cuéc sèng (tr­­íc c¸ch m¹ng)  d. Sù ©n hËn cña DÕ MÌn tr­­íc c¸i chÕt th¶m th­­¬ng, oan øc cña DÕ Cho¾t.  - Kh«ng cã c©u c¶m th¸n v× kh«ng cã h×nh thøc ®Æc tr­­ng cña kiÓu c©u.  ***Bµi 3.*** HS tự làm |

**CÂU TRẦN THUẬT**

|  |
| --- |
| **I. §Æc ®iÓm h×nh thøc vµ chøc n¨ng**  ***1. VÝ dô*** (sgk - 45)  ***2. NhËn xÐt***  + C©u “¤i Tµo Khª!” - C©u c¶m th¸n.  + C¸c c©u cßn l¹i lµ c©u trÇn thuËt:  a, - C©u 1, 2: Dïng ®Ó tr×nh bµy suy nghÜ cña ng­êi viÕt vÒ t/thèng cña dt ta.  - C©u 3: Yªu cÇu chóng ta ghi nhí …  b, - C©u 1: Dïng ®Ó kÓ  - C©u 2: Dïng ®Ó th«ng b¸o  c, - Dïng ®Ó miªu t¶  d, - C©u 2: Dïng ®Ó nhËn ®Þnh  - C©u 3: Dïng ®Ó béc lé t/c, c¶m xóc.  \* H×nh thøc.  - Kh«ng cã ®Æc ®iÓm h×nh thøc cña c©u cÇu khiÕn, nghi vÊn, c¶m th¸n.  - KÕt thóc b»ng dÊu (.), ®«i khi lµ dÊu (!)  \* Chøc n¨ng:  - Dïng ®Ó kÓ, nhËn ®Þnh, th«ng b¸o, miªu t¶  - Ngoµi ra dïng ®Ó yªu cÇu, ®Ò nghÞ, béc lé c¶m xóc.  => §©y lµ kiÓu c©u phæ biÕn nhÊt.  ***3. Ghi nhí*** (sgk - 46)  **II. LuyÖn tËp**  ***Bµi 1.*** X¸c ®Þnh kiÓu c©u, chøc n¨ng.  a, C¶ 3 c©u ®Òu lµ c©u trÇn thuËt.  - C©u 1: ®Ó kÓ  - C©u 2, 3: ®Ó béc lé t/c, c¶m xóc  b, - C©u 1: C©u trÇn thuËt dïng ®Ó kÓ  - C©u 2: C©u c¶m th¸n ®Ó béc lé c/x  - C©u 3, 4: C©u trÇn thuËt, béc lé t/c, c¸m ¬n  ***Bµi 2.*** So s¸nh  - KiÓu c©u: PhÇn dÞch nghÜa lµ c©u nghi vÊn gièng kiÓu c©u trong nguyªn t¸c.  PhÇn dÞch th¬ lµ c©u trÇn thuËt.  - ý nghÜa: Kh¸c nhau vÒ kiÓu c©u nh­­ng cïng diÔn t¶ mét ý nghÜa: §ªm tr¨ng ®Ñp ®· g©y xóc ®éng cho nhµ th¬.  ***Bµi 3.*** C©u 1: C©u cÇu khiÕn  C©u 2: C©u nghi vÊn  C©u 3: C©u trÇn thuËt  => C¶ 3 c©u dïng ®Ó cÇu khiÕn (gièng), nh­ng c©u 2, 3 cÇu khiÕn nhÑ nhµng, nh· nhÆn h¬n.  ***Bµi 5.*** §Æt c©u |

**Tiết 94 CHIẾU DỜI ĐÔ.**

**(Thiên đô chiếu)**

**- Lý Công Uẩn –**

|  |
| --- |
| **I. §äc - tìm hiểu chung**  ***1. T¸c gi¶*** (974 - 1028)  - Lµ ng­êi th«ng minh, nh©n ¸i, cã chÝ lín vµ lËp ®­îc nhiÒu chiÕn c«ng, s¸ng lËp v­¬ng triÒu nhµ LÝ.  ***2. T¸c phÈm***  - ViÕt vµo n¨m 1010 khi LCU míi lªn ng«i.  ***3. §äc, chó thÝch***  ***4. ThÓ lo¹i:*** ChiÕu (sgk)  ***5. §¹i ý:*** Bµy tá ý ®Þnh dêi ®« tõ Hoa L­­ ra thµnh §¹i La.  ***6. Bè côc***: (2 phÇn)  - Tõ ®Çu … “dêi ®æi”: LÝ do cÇn ph¶i dêi ®«  - PhÇn cßn l¹i: Thµnh §¹i La xøng ®¸ng lµ kinh ®« bËc nhÊt.  **II. Đọc - hiÓu v¨n b¶n**  ***1. LÝ do dêi ®«***  \* ViÖn dÉn sö s¸ch TQ:  + Nhµ Th­¬ng 5 lÇn dêi ®«  + Nhµ Chu 3 lÇn dêi ®«  => Dêi ®« lµ ®iÒu th­êng x¶y ra trong lÞch sö.  Môc ®Ých: ph¸t triÓn, x©y dùng ®Êt n­íc.  \* Chøng minh b»ng thùc tÕ:  - Nhµ §inh vµ Lª cña ta ®ãng ®« mét chç (Hoa L­) lµ mét h¹n chÕ.  + Ko theo mÖnh trêi, ko phï hîp víi qui luËt kh¸ch quan.  + Ko biÕt häc theo c¸i ®óng cña ng­êi x­a.  => KÕt qu¶: TriÒu ®¹i kh«ng ®­îc l©u bÒn, sè vËn ng¾n ngñi, … thÝch nghi.  => Sè liÖu cô thÓ, suy luËn chÆt chÏ.ViÖc dêi ®« ®· cã tiÒn lÖ, kh«ng cã g× bÊt th­êng, võa phï hîp víi ®¹o trêi, võa thuËn lßng d©n.  ***2. §¹i La xøng ®¸ng lµ kinh ®« bËc nhÊt***  - VÞ thÕ ®Þa lÝ: trung t©m ®Êt trêi, më ra bèn h­íng, cã nói s«ng, ®Êt réng mµ b»ng ph¼ng, cao mµ tho¸ng, tr¸nh lôt léi.  - VÞ thÕ chÝnh trÞ, v¨n ho¸: Lµ ®Çu mèi giao l­­u, lµ chèn héi tô cña bèn ph­¬ng  - VÒ phong thuû: ThÕ rång cuén hæ ngåi  - VÒ sù giµu cã: Mu«n vËt phong phó, tèt t­¬i.  => §¹i La cã ®ñ ®iÒu kiÖn ®Ó ph¸t triÓn bÒn v÷ng, trë thµnh kinh ®« bËc nhÊt cña c¸c ®Õ v­¬ng mu«n ®êi “*Kh¾p ®Êt ViÖt ta, chØ cã n¬i nµy lµ th¾ng ®Þa*”  **III. Tæng kÕt**  ***1. Néi dung.***  ***2. NghÖ thuËt***  ***\*GHI NHỚ : SGK*** |

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

|  |
| --- |
| ***I. Đặc điểm hình thức và chức năng.***  **I. §Æc ®iÓm h×nh thøc vµ chøc n¨ng**  ***1. VÝ dô*** (sgk - 52)  ***2. NhËn xÐt***  ***\* VÝ dô 1.***  + H×nh thøc:  - C©u b, c, d cã c¸c tõ: kh«ng, ch­­a, ch¼ng (tõ phñ ®Þnh)  + Chøc n¨ng:  - C©u b, c, d phñ ®Þnh sù viÖc “Nam ®i HuÕ” (kh«ng diÔn ra) → *Phñ ®Þnh miªu t¶.*  ***\* VÝ dô 2.***  + H×nh thøc: C©u cã tõ ng÷ phñ ®Þnh:  - Ko ph¶i, …  - §©u cã!  => 2 c©u phñ ®Þnh nµy ko cã phÇn biÓu thÞ néi dung bÞ phñ ®Þnh.  + Chøc n¨ng: Ph¶n b¸c mét ý kiÕn, nhËn ®Þnh cña ng­­êi ®èi tho¹i → *Phñ ®Þnh b¸c bá.*  ***\*Ghi nhí*** (sgk - 53)  ***3. Chó ý.***  - §Ó biÓu thÞ ý nghÜa phñ ®Þnh cã thÓ sö dông c¸c kiÓu c©u:  + C©u phñ ®Þnh: *Trêi nµy ch¼ng l¹nh*  + C©u nghi vÊn: *Trêi nµy mµ l¹nh µ?*  + C©u trÇn thuËt kh¼ng ®Þnh: *Cã trêi mµ biÕt nã ë ®©u.*  - Cã thÓ dïng c©u phñ ®Þnh ®Ó biÓu thÞ ý kh¼ng ®Þnh (phñ ®Þnh cña phñ ®Þnh lµ kh¼ng ®Þnh): *Nã kh«ng ph¶i lµ kh«ng biÕt.*  ***II. Luyện tập.***  ***Bài tập 1/ 53***.  - Câu phủ định bác bỏ.  a. Không có câu phủ định.  b. Cụ …..chả hiểu gì đâu!  - Bác bỏ điều mà Lão Hạc bị dằn vặt, đau khổ.  c. Không ……nữa đâu.  - Bác bỏ điều mà cái Tý cho rằng mẹ nó đang lo lắng. thương xót vì chị em chúng nó đói quá.  ***Bài tập 2.***  - Các câu đều có ý nghĩa khẳng định.  - Đặt câu có ý nghĩa tương đương  - So sánh  Nhận xét: Các câu trong sgk dùng cách phủ định của phủ định để khẳng định thường có ý nghĩa khẳng định mạnh và có sức thuyết phục cao.  - Các câu khẳng định tương đương thường ít có sức thuyết phục hơn.  ***Bài tập 3.***  - Choắt chưa dậy được, nằm thoi thóp.  - Nghĩa của nó có thay đổi.  + Không dậy được nữa -> phủ định tuyệt đối.  + Chưa dậy được -> phủ định tương đối.  - Câu của Tô Hoài phù hợp với diễn biến câu chuyện. |

**Đọc văn : HỊCH TƯỚNG SĨ**

*(Trần Quốc Tuấn)*

|  |
| --- |
| I.Đọc-tìm hiểu chung:  1. Tác giả:  Trần Quốc Tuấn (1231-1300), là người có phẩm chất cao đẹp; có tài năng văn võ song toàn; có công lớn trong kháng chiến chống Mông-Nguyên.  2. Xuất xứ văn bản:  Công bố vào 9/1284 tại cuộc duyệt binh ở Đông Thăng Long.  3. Hịch  Là thể văn nghị luận thời xưa, do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục hay kêu gọi đấu tranh.  4. Bố cục: 4 phần |
| **II. Đọc- hiểu văn bản:**  1. Tội ác của giặc và nỗi lòng của vị chủ tướng:  a.Tội ác của giặc:  - Hành động, lời lẽ hung hãn, ngang ngược.  - Đục khoét, vơ vét cho thảo lòng tham.  → Ngang tàng, bạo ngược.  b. Nỗi lòng của vị chủ tướng:  Đau đớn đến quặn lòng, căm tức đến bầm gan tím ruột; sẵn sàng xả thân, hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước, cho dân tộc.  → Khích lệ mạnh mẽ lòng căn thù giặc và nỗi nhục mất nước ở các tướng sĩ.  2. Những hành động sai trái và đúng nên làm của tướng sĩ:  a. Những hành động sai trái:  - Bàng quan trước vận mệnh của đất nước.  Ăn chơi, hưởng lạc tầm thường.  → Sẽ tan cửa nát nhà, thanh danh ô nhục, mắc tội với tổ tiên với xả tắc.  b. Những việc đúng nên làm:  - Nêu cao tinh thần cảnh giác.  - Chăm lo tập luyện binh pháp.  →Gia quyến mới được hạnh phúc, tông miếu mới được ấm cúng quanh năm, thanh danh mới được lưu thơm sử sách.  -Phép so sánh tương phản.  -Phép điệp ngữ tăng tiến.  => vẽ ra hai viễn cảnh đối lập → Khích lệ mạnh mẽ lòng trung quân ái quốc, lòng tự trọng, liêm sỉ ở tướng sĩ. |
| **III. Tổng kết:**  1. Nghệ thuật:  - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  - Kết hợp hài hòa giữa lí và tình.  2. Nội dung:  - Hiểu được hiện thực đất nước và tội ác tày trời của kẻ thù.  - Hình ảnh và tấm lòng yêu nước yêu thương dân của vị chủ tướng tài ba Trần Quốc Tuấn. |

------------------------\*\*\*--------------------------

**Tiếng Việt**

**HÀNH ĐỘNG NÓI**

|  |
| --- |
| **I.Hành động nói là gì?**  Là hành động được thực hiện bằng lời nói, nhằm mục đích nhất định. |
| **II. Một số kiểu hành động nói thường gặp:**  - Hành động trình bày.  - Hành động đe dọa.  - Hành động điều khiển.  - Hành động hứa hẹn.  - Hành động hỏi.  - Hành động bộc lộ cảm xúc |
| **II. Luyện tập: HS tự làm**  1. Mục đích của HĐN:  Nhằm khuyên binh sĩ chuyên tâm tập luyện BTYL để chống kẻ thù, bảo vệ xả tắc.  2. Các hành động nói:  a. Dùng để hỏi:  - Trình bày (kể)  - Điều khiển  - Trình bày  - Cầu khiến  b. Trình bày: Hứa hẹn  c. Thông báo (Báo tin)  - Hỏi  - Trình bày  - Hỏi  - Bộc lộ cảm xúc, kể  Bài tập 3, hs tự làm  **HÀNH ĐỘNG NÓI (tt)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **I. Cách thực hiện hành động nói:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu  MĐ | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Hỏi |  |  |  |  |  | | T.Bày | + | + | + |  |  | | Đ.Khiển |  |  |  | + | + | | H.Hẹn |  |  |  |  |  | | BLCX |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | K.Câu  HĐ | NV | CK | CT | TT4 | | Hỏi | + |  |  |  | | T.Bày |  |  |  | + | | Đ.Khiển | + | + |  | + | | H.Hẹn |  |  |  | + | | BLCX | + |  | + | + | | | **II.Luyện tập: HS tự làm**  2. Kiểu câu và hành động nói:  a. ... là phải nâng cao tinh thần ...; ... thì ta phải tiếp tục ...  b. ... Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết ...  ->Tạo sự gần gũi giữa quần chúng và lãnh tụ.  3. Kiểu câu và hành động nói:  1.Anh đã nghĩ thương em như thế hay là anh đaog giúp em ...  2.Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi ...  →Dế Choắt yếu đuối, khiêm nhường, còn Dế Mèn cao ngạo, huyênh hoang, hách dịch.  4. Cách nói phù hợp:  Cách b và e →tính lịch sự, nhã nhặn và lễ phép cao hơn. | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Đọc văn**

**NƯỚC ĐẠI VIỆT TA**

*(Nguyễn Trãi)*

|  |
| --- |
| **I. Đọc-tìm hiểu chung:**  1.Tác giả: là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.  2. Xuất xứ văn bản:  Trích từ “Bình Ngô đại cáo” (1428).  3. Thể cáo:  Là thể văn nghị luận cổ, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả. |
| **II. Đọc, hiểu văn bản:**  1.Tư tưởng nhân nghĩa:  -Yên dân: làm cho dân được yêu ổn, được hưởng thái bình, hạnh phúc.  -Trừ bạo: diệt trừ mọi thế lực làm hại đến cuộc sống yên lành của dân - quân Minh xâm lược.  → Nhân nghĩa gắn liền với yêu nước, chống ngoại xâm.  2. Chân lí về chủ quyền độc lập dân tộc:  - Từ ngữ khẳng định mạnh mẽ.  - Phép liệt kê sóng đôi.  →Đại Việt là quốc gai có chủ quyền độc lập. Đây là một chân lí hiển nhiên.  => Bản tuyên ngôn độc lập(2) của dân tộc. |
| **III. Tổng kết:**  1. Nghệ thuật:  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn.  - Kết hợp lí lẽ với thực tiễn sinh động.  2. Nội dung:  - Tư tưởng nhân nghĩa sâu sắc.  - Khẳng định mạnh mẽ nền độc lập chủ quyền của Đại Việt. |

**ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**

**VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

|  |
| --- |
| **I. Khái niệm luận điểm:**  Là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết nêu ra trong bài văn nghị luận. |
| **II. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận**  **III. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận**  Luận điểm là một hệ thống, có luận điểm chính ,luận điểm phụ.  - Các luận điểm phải sắp xếp theo trình tự hợp lí.  \* Ghi nhớ : SGK  **IV. Luyện tập :**  1. Luận điểm của đoạn : Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc , là tinh hoa của dân tộc.  **2. Trình bày luận điểm thành đoạn văn:**  - Trình bày theo cách quy nạp: đưa ra các dẫn chứng, lí lẻ rồi khái quát thành LĐ.  - Trình bày theo cách diễn dịc nêu ra chủ đề rồi đưa dẫn chứng, lí lẻ để làm sáng tỏ.  \* Ghi nhớ :sgk |
| **II. Luyện tập: trang 81, hướng dẫn HS tự làm**  1.Diễn đạt luận điểm:  a, Khi viết cần viết ngắn gọn, súc tích để người đọc dễ hiểu  b,Công việc yêu thích của Nguyên Hồng là viết văn và dạy học  3. Viết đoạn văn: HS TỰ VIẾT |

**Văn bản: BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC**

**(Nguyễn Thiếp)**

|  |
| --- |
| **I. Đọc-tìm hiểu chung:**  1. Tác giả: Nguyễn Thiếp (1723 – 1804), quê La Sơn, Hà Tĩnh. Là người thông minh, hiểu biết sâu rộng.  2. Xuất xứ: Trích từ bài tấu gửi vua Q.Trung 8/1791.  3. Thể tấu: - Tấu là loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị. |
| **II. Đọc, hiểu văn bản:**  1. Mục đích chân chính của việc học:  Học để biết rõ đạo - học để làm người.  2. Những lối học lệch lạc, sai trái:  - Học chuộng hình thức.  - Học cầu danh lợi.  → Tác hại: không biết đạo làm người; chúa tầm thường; thần nịnh hót.  => Nước mất nhà tan.  3. Chính sách giáo dục của nền chính học:  - Việc học phải được phổ biến rộng khắp.  - Thay đổi cách học (phương pháp).  4. Tác dụng của việc học chân chính  - Đất nước có nhiều người tài.  - Chế độ vững mạnh.  - Quốc gia hưng thịnh. |
| **III. Tổng kết:**  1. Nghệ thuật:  Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  - Lí l ẽ, dẫn chứng hợp lí.  2. Nội dung:  - Mục đích, phương pháp học tập đúng và có ích.  - Phê phán những biểu hiện sai lệch trong việc học. |